

CÔNG TY TNHH SIT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SIT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SIT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110374826

3. Ngày thành lập: 02/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng số 3031, Tầng 30, Tòa G3 Khu Đô Thị Vinhomes Green Bay, Phường Mỹ Trì,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913340639

Fax:

Email: dqhuyhpn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá hàng hóa)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
23.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
27.	Khai thác gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm)	0220
28.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ loại Nhà nước cấm)	0231
29.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
30.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
31.	Khai thác thủy sản biển	0311
32.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
33.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
34.	Khai thác và thu gom than non	0520

35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
36.	Giáo dục tiểu học Chi tiết: Trường tiểu học tư thục	8521
37.	Giáo dục trung học cơ sở Chi tiết: Trường trung học tư thục	8522
38.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Hoạt động giáo dục nghề nghiệp	8531
39.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Trung tâm ngoại ngữ, tin học	8559
40.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn du học	8560
41.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
42.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
43.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
44.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
45.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020

46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	7110
47.	Quảng cáo	7310
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
52.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
54.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
55.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
56.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
57.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
58.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
59.	Sản xuất đồng hồ	2652
60.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
61.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
62.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
63.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
64.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
65.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
66.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
67.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
68.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
69.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
70.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

71.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
72.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
73.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
74.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
75.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
76.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
77.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
78.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
79.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
80.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
81.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
82.	Sản xuất máy luyện kim	2823
83.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
84.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
85.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
86.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
87.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
88.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
89.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
90.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
91.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
92.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
94.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
95.	Bốc xếp hàng hóa	5224

96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa;	5229
97.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
98.	Cơ sở lưu trú khác	5590
99.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
100.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
101.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
102.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
103.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
104.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
105.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm	7810
106.	Đại lý du lịch	7911
107.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế	7912
108.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
109.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
110.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
111.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...; - Vệ sinh mặt đường và tàu chở dầu trên mặt biển; - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng;	8129
112.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
113.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011

114.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
115.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
116.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
117.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
118.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
119.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
120.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
121.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
122.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
123.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
124.	Sản xuất điện	3511
125.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Hoạt động bán buôn điện	3512
126.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
127.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
128.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
129.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
130.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
131.	Thu gom rác thải độc hại	3812
132.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
133.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
134.	Tái chế phế liệu	3830
135.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
136.	Xây dựng nhà để ở	4101
137.	Xây dựng nhà không để ở	4102
138.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
139.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
140.	Xây dựng công trình điện	4221
141.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
142.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
143.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
144.	Xây dựng công trình thủy	4291
145.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
146.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
147.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
148.	Phá dỡ	4311

149.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
150.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
151.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
152.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐĂNG QUỐC HUY

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 11/11/1973

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031073018172

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: 32/2 Chợ Hàng, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 32/2 Chợ Hàng, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG QUỐC HUY

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/11/1973

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031073018172

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: 32/2 Chợ Hàng, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 32/2 Chợ Hàng, Phường Đông Hải, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội